UỶ BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI ************	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ************
Số: 16/2004/PL-UBTVQH11	*Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2004*

PHÁP LỆNH

CỦA UỶ BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI SỐ 16/2004/PL-UBTVQH11 NGÀY 24 THÁNG 3 NĂM 2004 VỀ GIỐNG VẬT NUÔI

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10;
Căn cứ vào Nghị quyết số 21/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 của Quốc hội khoá XI, kỳ họp thứ 4 về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2004;
Pháp lệnh này quy định về giống vật nuôi.

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Pháp lệnh này quy định về quản lý và bảo tồn nguồn gen vật nuôi; nghiên cứu, chọn, tạo, khảo nghiệm, kiểm định và công nhận giống vật nuôi mới; sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi; quản lý chất lượng giống vật nuôi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Pháp lệnh này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động trong lĩnh vực giống vật nuôi trên lãnh thổ Việt Nam.

Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc gia nhập có quy định khác với quy định của Pháp lệnh này thì áp dụng điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Giống vật nuôi là quần thể vật nuôi cùng loài, cùng nguồn gốc, có ngoại hình và cấu trúc di truyền tương tự nhau, được hình thành, củng cố, phát triển do tác động của con người; giống vật nuôi phải có số lượng nhất định để nhân giống và di truyền được những đặc điểm của giống cho thế hệ sau.

Giống vật nuôi bao gồm các giống gia súc, gia cầm, ong, tằm, động vật thuỷ sản và các sản phẩm giống của chúng như tinh, phôi, trứng giống, ấu trùng và vật liệu di truyền giống.

2. Giống vật nuôi thuần chủng là giống ổn định về di truyền và năng suất; giống nhau về kiểu gen, ngoại hình và khả năng kháng bệnh.

3. Đàn giống cụ kỵ là đàn giống vật nuôi thuần chủng hoặc đàn giống đã được chọn, tạo, nuôi dưỡng để sản xuất ra đàn giống ông bà.

4. Đàn giống ông bà là đàn giống vật nuôi nhân từ đàn giống cụ kỵ để sản xuất ra đàn giống bố mẹ.

5. Đàn giống bố mẹ là đàn giống vật nuôi nhân từ đàn giống ông bà để sản xuất ra giống thương phẩm.

6. Đàn giống hạt nhân sử dụng trong nhân giống gia súc lớn là đàn giống tốt nhất, có nguồn gốc và xuất xứ rõ ràng, được nuôi dưỡng và chọn lọc theo một quy trình nhất định nhằm đạt được tiến bộ di truyền cao để sản xuất ra đàn nhân giống.

7. Đàn nhân giống sử dụng trong nhân giống gia súc lớn là đàn giống do đàn giống hạt nhân sinh ra để sản xuất giống thương phẩm hoặc được chọn lọc để bổ sung vào đàn giống hạt nhân.

8. Giống thương phẩm là đàn giống vật nuôi được sinh ra từ đàn giống bố mẹ hoặc từ đàn nhân giống.

9. Giống giả là giống không đúng với tên giống đã ghi trên nhãn.

10. Chọn giống là việc sử dụng các biện pháp kỹ thuật để chọn lọc và giữ lại làm giống những cá thể có đặc điểm có lợi đáp ứng yêu cầu của con người.

11. Tạo giống là việc chọn và phối giống hoặc sử dụng các biện pháp kỹ thuật di truyền khác để tạo ra một giống mới.

12. Cải tạo giống là việc làm thay đổi một hoặc nhiều đặc tính của giống hiện có bằng cách cho phối giống để có các đặc tính tương ứng tốt hơn.

13. Kiểm tra năng suất cá thể là việc đánh giá năng suất, chất lượng của con giống trước khi đưa vào sử dụng.

14. Hợp tử là tế bào được tạo ra do sự thụ tinh của tinh trùng và trứng.

15. Phôi là hợp tử đã phát triển ở các giai đoạn khác nhau.

16. Nguồn gen vật nuôi là những động vật sống hoàn chỉnh và các sản phẩm giống của chúng mang thông tin di truyền có khả năng tạo ra hay tham gia tạo ra giống vật nuôi mới.

17. Bảo tồn nguồn gen vật nuôi là việc bảo vệ và duy trì nguồn gen vật nuôi.

18. Khảo nghiệm giống vật nuôi là việc chăm sóc, nuôi dưỡng, theo dõi trong điều kiện và thời gian nhất định giống vật nuôi mới nhập khẩu lần đầu hoặc giống vật nuôi mới được tạo ra trong nước nhằm xác định tính khác biệt, tính ổn định, tính đồng nhất về năng suất, chất lượng, khả năng kháng bệnh và đánh giá tác hại của giống đó.

19. Kiểm định giống vật nuôi là việc kiểm tra, đánh giá lại năng suất, chất lượng, khả năng kháng bệnh của giống vật nuôi sau khi đưa ra sản xuất hoặc làm cơ sở công bố chất lượng giống vật nuôi phù hợp tiêu chuẩn.

20. Giống vật nuôi có gen đã bị biến đổi là giống vật nuôi có mang một tổ hợp mới vật liệu di truyền (ADN) nhận được qua việc sử dụng công nghệ sinh học hiện đại.

21. Giống vật nuôi nhân bản vô tính là giống vật nuôi được tạo ra bằng kỹ thuật nhân bản từ một tế bào sinh dưỡng.

22. Giống vật nuôi mới là giống mới được tạo ra hoặc giống mới được nhập khẩu lần đầu nhưng chưa có trong Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động về giống vật nuôi

1. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giống vật nuôi phải phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội trong phạm vi cả nước và của từng địa phương.

2. Quản lý chặt chẽ việc sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế.

3. Bảo đảm giống vật nuôi có chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất, vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường, hệ sinh thái.

4. Áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong việc nghiên cứu, chọn, tạo, sản xuất giống vật nuôi; kết hợp giữa công nghệ hiện đại với kinh nghiệm của nhân dân.

5. Phát huy quyền tự chủ, bảo đảm sự bình đẳng và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong hoạt động về giống vật nuôi.

6. Bảo tồn và khai thác hợp lý nguồn gen vật nuôi; bảo đảm tính đa dạng sinh học; kết hợp giữa lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài, bảo đảm lợi ích chung của toàn xã hội.

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về giống vật nuôi

1. Bảo đảm phát triển giống vật nuôi theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên cơ sở chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giống vật nuôi.

2. Ưu tiên đầu tư cho các hoạt động thu thập, bảo tồn nguồn gen vật nuôi quý hiếm; nghiên cứu, chọn, tạo, khảo nghiệm, kiểm định giống vật nuôi mới và nuôi giữ giống vật nuôi thuần chủng, đàn giống cụ kỵ, đàn giống ông bà, đàn giống hạt nhân có năng suất và chất lượng cao.

3. Khuyến khích và hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ nhân giống, nuôi giữ giống vật nuôi thuần chủng, đàn giống cụ kỵ, đàn giống ông bà, đàn giống hạt nhân.

4. Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư, nghiên cứu khoa học, áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ về giống vật nuôi; xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển nguồn lực trong hoạt động về giống vật nuôi.

5. Khuyến khích tổ chức, cá nhân sản xuất, sử dụng giống vật nuôi mới; tham gia bảo hiểm giống vật nuôi.

6. Hỗ trợ việc phục hồi giống vật nuôi trong trường hợp bị thiên tai, dịch bệnh gây hậu quả nghiêm trọng.

Điều 6. Giống vật nuôi có gen đã bị biến đổi và giống vật nuôi nhân bản vô tính

Việc nghiên cứu, chọn, tạo, thử nghiệm, sản xuất, kinh doanh, sử dụng, trao đổi quốc tế và các hoạt động khác đối với giống vật nuôi có gen đã bị biến đổi, giống vật nuôi nhân bản vô tính được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Điều 7. Trách nhiệm quản lý nhà nước về giống vật nuôi

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về giống vật nuôi.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về giống vật nuôi nông nghiệp trong phạm vi cả nước.

Bộ Thủy sản chịu trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về giống vật nuôi thủy sản trong phạm vi cả nước.

3. Các bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản thực hiện quản lý nhà nước về giống vật nuôi.

4. Uỷ ban nhân dân các cấp có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về giống vật nuôi tại địa phương.

Điều 8. Khen thưởng

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động về giống vật nuôi hoặc có công phát hiện, ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật về giống vật nuôi thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Nhà nước tôn vinh tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc chọn, tạo ra giống vật nuôi mới.

Điều 9. Các hành vi bị nghiêm cấm

1. Sản xuất, kinh doanh giống giả, giống vật nuôi không đạt tiêu chuẩn chất lượng, giống không có trong Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh.

2. Phá hoại, chiếm đoạt nguồn gen vật nuôi, xuất khẩu trái phép nguồn gen vật nuôi quý hiếm.

3. Thử nghiệm mầm bệnh, thuốc thú y, chất kích thích sinh trưởng và thức ăn chăn nuôi mới trong khu vực sản xuất giống vật nuôi.

4. Cản trở các hoạt động hợp pháp về nghiên cứu, chọn, tạo, khảo nghiệm, kiểm định, sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi.

5. Sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi gây hại cho sức khỏe con người, nguồn gen vật nuôi, môi trường, hệ sinh thái.

6. Công bố tiêu chuẩn chất lượng, quảng cáo, thông tin sai sự thật về giống vật nuôi.

7. Các hành vi khác theo quy định của pháp luật.

Chương 2:

QUẢN LÝ VÀ BẢO TỒN NGUỒN GEN VẬT NUÔI

Điều 10. Quản lý nguồn gen vật nuôi

1. Nguồn gen vật nuôi là tài sản quốc gia do Nhà nước thống nhất quản lý.

2. Nguồn gen vật nuôi ở khu bảo tồn của Nhà nước khi có nhu cầu khai thác, sử dụng phải được phép của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản.

3. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tham gia quản lý nguồn gen vật nuôi tại địa phương.

Điều 11. Nội dung bảo tồn nguồn gen vật nuôi

1. Điều tra, khảo sát và thu thập nguồn gen vật nuôi phù hợp với tính chất và đặc điểm của từng loài vật nuôi.

2. Bảo tồn lâu dài và an toàn nguồn gen đã được xác định phù hợp với đặc tính sinh học cụ thể của từng giống vật nuôi.

3. Đánh giá nguồn gen theo các chỉ tiêu sinh học và giá trị sử dụng.

4. Xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin tư liệu nguồn gen vật nuôi.

Điều 12. Thu thập, bảo tồn nguồn gen vật nuôi quý hiếm

1. Nhà nước đầu tư và hỗ trợ cho việc thu thập, bảo tồn nguồn gen vật nuôi quý hiếm; xây dựng cơ sở lưu giữ nguồn gen vật nuôi quý hiếm; bảo tồn nguồn gen vật nuôi quý hiếm tại địa phương.

2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện việc bảo tồn nguồn gen vật nuôi quý hiếm theo quy định của Pháp lệnh này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản định kỳ công bố Danh mục nguồn gen vật nuôi quý hiếm cần bảo tồn.

Điều 13. Trao đổi nguồn gen vật nuôi quý hiếm

1. Tổ chức, cá nhân được trao đổi nguồn gen vật nuôi quý hiếm để phục vụ cho việc nghiên cứu, chọn, tạo giống vật nuôi mới và sản xuất, kinh doanh theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản.

2. Việc trao đổi quốc tế nguồn gen vật nuôi quý hiếm phải được phép của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản.

Chương 3:

NGHIÊN CỨU, CHỌN, TẠO, KHẢO NGHIỆM VÀ CÔNG NHẬN GIỐNG VẬT NUÔI MỚI

Điều 14. Nghiên cứu, chọn, tạo giống vật nuôi mới

1. Tổ chức, cá nhân Việt Nam, tổ chức, cá nhân nước ngoài được nghiên cứu, chọn, tạo giống vật nuôi mới trên lãnh thổ Việt Nam.

Việc nghiên cứu, chọn, tạo giống vật nuôi mới phải tuân theo quy định của Pháp lệnh này, pháp luật về khoa học và công nghệ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ về giống vật nuôi phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm ngành Chăn nuôi, ngành Thuỷ sản.

Điều 15. Khảo nghiệm giống vật nuôi mới

1. Giống vật nuôi mới chỉ được công nhận và đưa vào Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản ban hành sau khi đã qua khảo nghiệm đạt kết quả theo yêu cầu.

2. Nội dung khảo nghiệm bao gồm:

a) Xác định tính khác biệt, tính ổn định, tính đồng nhất về năng suất, chất lượng, khả năng kháng bệnh của giống vật nuôi mới;

b) Đánh giá tác hại của giống.

3. Tổ chức, cá nhân có giống vật nuôi mới phải làm hồ sơ xin khảo nghiệm gửi đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản. Hồ sơ xin khảo nghiệm bao gồm:

a) Đơn đăng ký khảo nghiệm;

b) Hồ sơ giống vật nuôi, trong đó ghi rõ tên giống, phẩm cấp giống, xuất xứ, số lượng, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng giống;

c) Dự kiến cơ sở khảo nghiệm.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản có trách nhiệm:

a) Tiếp nhận và xem xét hồ sơ;

b) Trả lời bằng văn bản về việc chấp nhận khảo nghiệm trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, nếu từ chối phải nêu rõ lý do.

5. Tổ chức, cá nhân có giống vật nuôi mới tự chọn cơ sở khảo nghiệm đã được công nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Pháp lệnh này để ký hợp đồng khảo nghiệm và phải chịu chi phí khảo nghiệm.

Điều 16. Cơ sở khảo nghiệm giống vật nuôi mới

1. Cơ sở khảo nghiệm giống vật nuôi mới do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản công nhận trên cơ sở đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ sở khảo nghiệm giống vật nuôi mới phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Đã đăng ký hoạt động khảo nghiệm giống vật nuôi với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Có địa điểm phù hợp với quy hoạch và bảo đảm vệ sinh thú y, môi trường theo quy định của pháp luật về thú y, pháp luật về thuỷ sản và pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với việc khảo nghiệm từng loài vật nuôi và từng phẩm cấp giống;

d) Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật chuyên ngành chăn nuôi thú y hoặc chuyên ngành nuôi trồng thuỷ sản.

3. Cơ sở khảo nghiệm giống vật nuôi mới có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện khảo nghiệm giống vật nuôi mới theo các quy trình khảo nghiệm đối với từng loài vật nuôi và từng phẩm cấp giống do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản ban hành;

b) Chịu trách nhiệm pháp lý về kết quả khảo nghiệm đã thực hiện.

Điều 17. Đặt tên giống vật nuôi mới

1. Mỗi giống vật nuôi mới chỉ được đặt một tên phù hợp.

2. Không chấp nhận các trường hợp đặt tên giống vật nuôi mới sau đây:

a) Trùng hoặc tương tự với tên giống đã có;

b) Chỉ bao gồm các chữ số;

c) Vi phạm đạo đức xã hội;

d) Dễ gây hiểu nhầm với các đặc trưng, đặc tính của giống vật nuôi đó.

Điều 18. Công nhận giống vật nuôi mới

1. Giống vật nuôi mới chỉ được công nhận khi đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Có kết quả khảo nghiệm của cơ sở khảo nghiệm giống vật nuôi mới;

b) Được Hội đồng khoa học chuyên ngành do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Thuỷ sản thành lập đánh giá kết quả khảo nghiệm và đề nghị công nhận giống vật nuôi mới.

2. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Thuỷ sản xem xét, quyết định công nhận giống vật nuôi mới và đưa vào Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh.

Chương 4:

SẢN XUẤT, KINH DOANH GIỐNG VẬT NUÔI

Điều 19. Điều kiện về sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về lĩnh vực giống vật nuôi;

b) Có địa điểm sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi phù hợp với quy hoạch của ngành Nông nghiệp, ngành Thuỷ sản và phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thú y, pháp luật về thuỷ sản và pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Có cơ sở vật chất và trang, thiết bị kỹ thuật phù hợp với việc sản xuất, kinh doanh của từng loài vật nuôi và từng phẩm cấp giống;

d) Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật đã được đào tạo về kỹ thuật chăn nuôi thú y, nuôi trồng thuỷ sản nếu sản xuất, kinh doanh đàn giống bố mẹ, giống thương phẩm;

đ) Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật có bằng đại học chuyên ngành chăn nuôi thú y, nuôi trồng thủy sản nếu sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi thuần chủng, đàn giống cụ kỵ, đàn giống ông bà, đàn giống hạt nhân;

e) Có hồ sơ theo dõi giống;

g) Thực hiện quy trình kỹ thuật sản xuất giống vật nuôi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản ban hành.

2. Hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi theo hình thức chăn nuôi truyền thống mà không thuộc diện phải đăng ký kinh doanh thì không phải thực hiện quy định tại khoản 1 Điều này nhưng phải bảo đảm tiêu chuẩn vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thú y, pháp luật về thuỷ sản và pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 20. Sản xuất, kinh doanh tinh, phôi, trứng giống và ấu trùng

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tinh đực giống để thụ tinh nhân tạo và phôi phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Các điều kiện quy định tại các điểm a, b, c, đ và e khoản 1 Điều 19 của Pháp lệnh này;

b) Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật đã được cấp bằng hoặc chứng chỉ đào tạo về kỹ thuật thụ tinh nhân tạo, cấy truyền phôi;

c) Đực giống, cái giống cho phôi phải có nguồn gốc từ các cơ sở nhân giống đã được kiểm tra năng suất cá thể, đã được kiểm dịch, có lý lịch rõ ràng, đã được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

d) Không được khai thác, sử dụng tinh của đực giống và trứng của cái giống trong khu vực đang có dịch bệnh;

đ) Phôi chỉ được khai thác từ giống vật nuôi thuần chủng, đàn giống cụ kỵ, đàn giống ông bà, đàn giống hạt nhân;

e) Thực hiện quy chế quản lý khai thác, sử dụng tinh, phôi và môi trường bảo quản, pha chế tinh, phôi do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản ban hành.

2. Hộ gia đình, cá nhân kinh doanh đực giống trâu, bò, lợn, dê, cừu, ngựa để phối giống trực tiếp và đực giống, cái giống thuỷ sản phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Đực giống trâu, bò, lợn, dê, cừu, ngựa phải được hộ gia đình, cá nhân đăng ký với Uỷ ban nhân dân cấp xã;

b) Đực giống trâu, bò, lợn, dê, cừu, ngựa và đực giống, cái giống thuỷ sản phải có nguồn gốc rõ ràng, đã được kiểm dịch thú y;

c) Thực hiện quy chế quản lý khai thác, sử dụng đực giống trâu, bò, lợn, dê, cừu, ngựa; đực giống, cái giống thuỷ sản do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản ban hành.

3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh trứng giống và ấu trùng phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Các điều kiện quy định tại các điểm a, b, c và đ khoản 1 Điều 19 của Pháp lệnh này;

b) Trứng giống, ấu trùng chỉ được khai thác từ giống vật nuôi thuần chủng, đàn giống cụ kỵ, đàn giống ông bà, đàn giống bố mẹ;

c) Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật đã được cấp bằng hoặc chứng chỉ đào tạo về kỹ thuật ấp trứng, công nghệ nhân giống;

d) Thực hiện quy chế quản lý khai thác, sử dụng trứng giống, ấu trùng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản ban hành.

Điều 21. Nhãn giống vật nuôi

1. Giống vật nuôi có bao bì chứa đựng khi kinh doanh phải được ghi nhãn với nội dung như sau:

a) Tên giống vật nuôi;

b) Tên và địa chỉ của cơ sở sản xuất, kinh doanh;

c) Định lượng giống vật nuôi;

d) Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu;

đ) Ngày sản xuất, thời hạn sử dụng;

e) Hướng dẫn bảo quản và sử dụng.

2. Giống vật nuôi không có bao bì chứa đựng thì phải có hồ sơ giống kèm theo, trong đó ghi rõ tên giống, xuất xứ, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, quy trình kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng.

Điều 22. Xuất khẩu giống vật nuôi

1. Tổ chức, cá nhân được xuất khẩu giống vật nuôi không có trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản ban hành.

2. Tổ chức, cá nhân trao đổi với nước ngoài những giống vật nuôi quý hiếm có trong Danh mục giống vật nuôi cấm xuất khẩu để phục vụ nghiên cứu khoa học hoặc các mục đích đặc biệt khác phải được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Thuỷ sản cho phép.

Điều 23. Nhập khẩu giống vật nuôi

1. Tổ chức, cá nhân chỉ được nhập khẩu giống vật nuôi có trong Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh.

Việc nhập khẩu tinh, phôi phải được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản cho phép.

2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu giống vật nuôi chưa có trong Danh mục giống vật nuôi được phép sản xuất, kinh doanh để nghiên cứu, khảo nghiệm, kiểm định hoặc trong các trường hợp đặc biệt khác phải được Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ trưởng Bộ Thuỷ sản cho phép.

Chương 5:

QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG GIỐNG VẬT NUÔI

Điều 24. Nguyên tắc quản lý chất lượng giống vật nuôi

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi phải chịu trách nhiệm về chất lượng giống vật nuôi do mình sản xuất, kinh doanh thông qua việc công bố tiêu chuẩn chất lượng và công bố chất lượng giống vật nuôi phù hợp tiêu chuẩn.

Điều 25. Tiêu chuẩn chất lượng giống vật nuôi

1. Hệ thống tiêu chuẩn chất lượng giống vật nuôi bao gồm:

a) Tiêu chuẩn Việt Nam;

b) Tiêu chuẩn ngành;

c) Tiêu chuẩn cơ sở;

d) Tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn khu vực, tiêu chuẩn nước ngoài được áp dụng tại Việt Nam.

2. Thẩm quyền ban hành danh mục giống vật nuôi phải áp dụng tiêu chuẩn được quy định như sau:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục giống vật nuôi phải áp dụng tiêu chuẩn Việt Nam;

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản ban hành Danh mục giống vật nuôi phải áp dụng tiêu chuẩn ngành.

Điều 26. Công bố tiêu chuẩn chất lượng giống vật nuôi

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi có trong danh mục quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 25 của Pháp lệnh này phải công bố tiêu chuẩn chất lượng giống vật nuôi do mình sản xuất, kinh doanh; tiêu chuẩn công bố không được thấp hơn tiêu chuẩn quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 25 của Pháp lệnh này.

2. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân tự nguyện công bố tiêu chuẩn chất lượng giống vật nuôi không có trong danh mục quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 25 của Pháp lệnh này.

3. Trình tự và thủ tục công bố tiêu chuẩn chất lượng giống vật nuôi được thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng hàng hoá.

Điều 27. Công bố chất lượng giống vật nuôi phù hợp tiêu chuẩn

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi khi công bố chất lượng phù hợp tiêu chuẩn phải dựa vào một trong các căn cứ sau đây:

a) Kết quả chứng nhận chất lượng của cơ sở kiểm định đối với giống vật nuôi có trong danh mục giống vật nuôi phải được chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này;

b) Kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân hoặc kết quả đánh giá của cơ sở kiểm định đối với giống vật nuôi không có trong danh mục giống vật nuôi phải được chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Danh mục giống vật nuôi phải được chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam.

3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản ban hành Danh mục giống vật nuôi phải được chứng nhận chất lượng phù hợp tiêu chuẩn ngành.

4. Trình tự và thủ tục công bố chất lượng giống vật nuôi phù hợp tiêu chuẩn được thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng hàng hoá.

Điều 28. Kiểm định giống vật nuôi

1. Việc kiểm định giống vật nuôi do cơ sở kiểm định được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản công nhận tiến hành.

2. Cơ sở kiểm định giống vật nuôi phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định giống vật nuôi do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

b) Có địa điểm phù hợp, bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về thú y, pháp luật về thuỷ sản và pháp luật về bảo vệ môi trường;

c) Có cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phù hợp với việc kiểm định của từng loài vật nuôi và từng phẩm cấp giống;

d) Có hoặc thuê nhân viên kỹ thuật chuyên ngành chăn nuôi thú y hoặc chuyên ngành nuôi trồng thuỷ sản.

3. Cơ sở kiểm định giống vật nuôi có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện kiểm định giống vật nuôi theo các quy trình kiểm định đối với từng loài vật nuôi và từng phẩm cấp giống do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Thuỷ sản ban hành;

b) Chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định đã thực hiện.

4. Chi phí kiểm định do tổ chức, cá nhân yêu cầu kiểm định trả. Trong trường hợp cơ sở kiểm định xác nhận giống vật nuôi không đúng với kết quả khảo nghiệm hoặc chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng giống đã công bố thì cơ sở khảo nghiệm hoặc tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi phải bồi thường chi phí cho tổ chức, cá nhân yêu cầu kiểm định.

Điều 29. Kiểm dịch giống vật nuôi

Tổ chức, cá nhân chọn, tạo, sản xuất, kinh doanh và sử dụng giống vật nuôi phải thực hiện việc kiểm dịch theo quy định của pháp luật về thú y.

Chương 6:

THANH TRA VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 30. Thanh tra giống vật nuôi

Thanh tra giống vật nuôi là thanh tra chuyên ngành.

Tổ chức và hoạt động của thanh tra chuyên ngành giống vật nuôi theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Điều 31. Giải quyết tranh chấp quyền tác giả giống vật nuôi

Tranh chấp quyền tác giả giống vật nuôi do Toà án nhân dân giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương 7:

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Hiệu lực thi hành

Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2004.

Điều 33. Hướng dẫn thi hành

Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Pháp lệnh này.

Nguyễn Văn An

(Đã ký)